TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con
".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Lê Minh Toàn**

2. Bà **Nguyễn Thị Út**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 550/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 v/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, khóm C, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Trương T**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương T trên cơ sở quen biết tự tìm hiểu được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 30/7/2012 tại UBND phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại ấp T, xã H, huyện L đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống nên thường xuyên cãi vả. Anh T không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, không lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên răng nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T không còn sống chung từ đầu năm 2022 đến nay.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Tấn .

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trương Nhật V, sinh ngày 29/5/2013 và Trương Tấn P sinh ngày 30/01/2017 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Trương T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trương Tấn .

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Nhật V, sinh ngày 29/5/2013 và Trương Tấn P sinh ngày 30/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con với bị đơn Trương T có địa chỉ tại xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trương T kết hôn có đăng ký kết hôn vào 30/7/2012 tại UBND phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trình bày, trong thời gian chung sống đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả. Anh T không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, không lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên răng nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T không còn sống chung từ đầu năm 2022 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2024 của bà Nguyễn Thị T1 là mẹ ruột của anh Trương T trình bày: anh T và chị N không còn sống chung với nhau

khoảng hơn 01 năm, nguyên nhân mâu thuẫn do T ăn chơi, thiếu nợ không có tiền lo cho vợ con.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, từ năm 2022 cho đến nay chị N và anh T không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau, anh T không chăm lo cho gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh T cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N.

Vì vậy, có căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trương Nhật V, sinh ngày 29/5/2013 và Trương Tấn P sinh ngày 30/01/2017

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2024 cháu Nhật V và cháu Tấn P trình bày nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ cháu tên Nguyễn Thị Ngọc N. Chị N cũng trình bày chị có đủ điều kiện nuôi con như có chỗ ở ổn định, có công việc có thu nhập để nuôi con; từ trước đến nay đều do chị lo kinh tế nuôi con và mẹ anh T có phụ giúp chăm con, còn anh T không lo gì cho con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu giải quyết và bị đơn anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trương Tấn .

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Nhật V, sinh ngày 29/5/2013 và Trương Tấn P sinh ngày 30/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N nuôi dưỡng.

Anh Trương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị N nộp đã nộp theo biên lai thu số 0000627 ngày 05/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết